TÒA ÁN NH DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 100/2019/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 26 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NH DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nH và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*" gồm những người tham gia tố tụng sau:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Tống Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu Thống Nhất 2, phường TA, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh Vũ Đình N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: KhuThống Nhất 2, phường TA, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Tòa án nH dân thị xã Q thụ lý và giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con số: 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2019 người yêu cầu: Chị Tống Thị M và anh Vũ Đình N là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công văn số: 310/TANDTC-CP của Tòa án nH dân tối cao ngày 11/10/2018, hướng dẫn nghiệp vụ triển khai thí điểm về đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Tòa án nH dân.

[2] Về quan hệ hôn nH : Chị Tống Thị M và anh Vũ Đình N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011, sau đó đến ngày 13/01/2014 mới đăng ký kết hôn theo quy địnhtại Ủy ban nH dân phường TA, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; việc kết hôn của chị M và anh N là hôn nH hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị M và anh N sống hòa thuận hạnh phúc cho đến tháng 3 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nH do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về

quan điểm sống, cũng như trong sinh hoạt hàng ngày dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm xúc phạm nhau.

Nay chị M và anh N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Chị M và anh N cùng thống nhất đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc chị M và anh N thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nH và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh N có 02 (hai) con chung là Vũ Ngọc Q1, sinh ngày 17/5/2012 và Vũ Ngọc H , sinh ngày 27/7/2017. Hai bên thỏa thuận chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Q1, anh N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc H cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở. Việc thỏa thuận, thống nhất nêu trên của chị M và anh N là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và vay nợ: Chị Tống Thị M và anh Vũ Đình N đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Chị M tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con, tài sản và các vấn đề khác do Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nH dân thị xã Q lập ngày 18 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tống Thị M và anh Vũ Đình N.

- Về con chung: Chị M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc Q1, sinh ngày 17/5/2012. Anh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Ngọc H , sinh ngày 27/7/2017cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Chị Tống Thị M tự nguyện chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0003399 ngày 18/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị M đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Q;*
- *Chi cục THADS thị xã Q;*
- *UBND phường TA;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Điền